

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ TRUYỆN NGẮN NGUYỄN HUY THIỆP

TS. NGUYỄN THỊ THU THÚY

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Huy Thiệp là nhà văn có nhiều đổi mới về nghệ thuật kể chuyện cũng như đổi mới về ngôn ngữ nghệ thuật. Sự đổi mới đó mang lại cho ngôn ngữ truyện ngắn của tác giả này một sức hấp dẫn “không cưỡng nổi”

Sức hấp dẫn của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp thể hiện trước hết ở kĩ thuật lựa chọn điểm nhìn (ĐN) để kể chuyện. Từ góc độ ĐN ngôn ngữ, chúng tôi thấy, các truyện của Nguyễn Huy Thiệp đều được kể từ ĐN bên ngoài. Đó là loại ĐN mà *người kể* (nhân vật người kể) “nói” ít hơn nhân vật, “biết” ít hơn nhân vật. Đây là trường hợp kể khách quan (thấy thế nào nói thế hoặc là *hành vi chủ nghĩa*) trong đó các nhân vật hoạt động trước mắt chúng ta mà chúng ta không bao giờ biết được tư tưởng và tình cảm của họ. Ở đây, nội dung truyện “tối tăm” đến mức như những câu đố, độc giả không có bất cứ một chỉ dẫn nào để hiểu được tính cách cũng như tâm tư, tình cảm của nhân vật. Michel Raimond đã chú thích rất đúng rằng trong những tiểu thuyết âm mưu, phiêu lưu, sự hứng thú nảy sinh từ chỗ có một “bí mật”, tác giả “không nói toàn bộ sự việc mà anh ta biết”. Ở đó, nhân vật được miêu tả, được vẽ ra như một người không quen biết (dẫn theo [7, 206 - 208]).

Như vậy, có thể thấy sự tham gia của người kể chuyện (NKC) vào truyện là cực nhỏ. Anh ta chỉ thuần túy là một người quan sát, không giải thích, bình luận hay có bất cứ một hình thức đánh giá nào.

Những tính chất này của ĐN đã chi phối rất nhiều đến những đặc điểm ngôn ngữ trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp. Nói cách khác, tính chất khách quan của ĐN bên ngoài được thể hiện gần như tuyệt đối trong mỗi câu chữ, lời văn Nguyễn Huy Thiệp. Đây chính là nét riêng và cũng là cái hấp dẫn rất Nguyễn Huy Thiệp mà chúng tôi sẽ trình bày dưới đây ở phương diện các thành phần lời nói nghệ thuật (Bài viết này không có điều kiện trình bày về ĐN và kĩ thuật kể chuyện trong tác phẩm, chỉ xin nhắc đến nó khi có liên quan đến những biểu hiện về mặt ngôn ngữ).

2. Lời văn miêu tả

Lời văn miêu tả chiếm một tỷ lệ không đáng kể, và cảnh hay người, nếu được miêu tả thì hết sức chung chung, thực chất thì giống như người ta liệt kê nhiều hơn. Về cảnh, có thể nói hầu như không có không gian nào được mô tả, chỉ có địa điểm được liệt kê cho sự kiện xảy ra. Có thể liệt kê ra đây hàng loạt cái không gian mà không gian nào cũng chỉ có tên gọi. Thí dụ:

(1) *Đám cưới ngoại ô lố lỉnh và khá dung tục.*

(Tướng về hưu)

(2) *Từ nhà tôi ra nghĩa địa đi tắt chỉ năm trăm mét nhưng đi đường chính qua cổng làng phải hai cây số. Đường bé, không đẩy xe đò được mà phải khiêng vai.*

(Tướng về hưu)

(3) *Gần nhà tôi ở có cậu Không... Không làm ở xí nghiệp nước mắm...*

(Tướng về hưu)

(4) *Xe đi Cao Bằng theo đường số Một. Đến nơi thì lễ an táng cha tôi cử hành đã được hai tiếng đồng hồ.*

(Tướng về hưu)

(5) *Mộ của cha tôi đặt trong nghĩa trang liệt sĩ.*

(Tướng về hưu)

Ngoại ô, từ nhà tôi ra nghĩa địa, cổng làng, gần nhà tôi ở, xí nghiệp nước mắm, Cao Bằng, đường số một, nghĩa trang liệt sĩ là không gian xảy ra sự kiện, thể hiện các mối quan hệ xã hội. Các không gian này chỉ được gọi tên ra mà không có một lời miêu tả nào, độc giả không có được ấn tượng gì về các không gian đó.

Ngoại hình nhân vật cũng được mô tả hết sức chung chung, không có nét nào riêng, không có nét nào cụ thể. Thí dụ:

(6) *Ông Cơ sáu mươi tuổi, quê Thanh Hoá.*

(7) *Cô Lài mặc dầu gàn dở nhưng xốc vác và nội trợ giỏi.*

(8) *Tôi ba mươi bảy tuổi, là kĩ sư... Thuy, vợ tôi là bác sĩ ... Chúng tôi có hai con gái, đứa mười bốn, đứa mười hai.*

(Tướng về hưu)

(9) *Khiêm to lớn, lưng lừng, tính nóng nảy.*

(Không có vua)

(10) *Sinh đẹp lộng lẫy.*

(Không có vua)

(11) *Ông Gia có một đứa cháu đích tôn là Phạm Ngọc Chiêu tuần tú lạ thường.*

(Giọt máu)

(12) *Đồ Ngoạn mắt toét, thi hương năm Mậu Thìn.*

(Giọt máu)

Với cách miêu tả như ở (6, 8) người ta chỉ có thể biết người được miêu tả già/ trẻ, lớn/ trẻ con. Mà không thể biết được vóc dáng, khuôn mặt... của người đó như thế nào. Qua (7) thì có thể ngầm đoán được vóc dáng, khuôn mặt, phong thái của Lài qua tính cách (*gàn dở nhưng xốc vác...*) của cô. Tuy nhiên, ngầm đoán thì cũng không cụ thể được. Cô Lài vẫn có một khuôn mặt chung của những người gàn dở, nhưng cái riêng của cô thì không thể biết được. Các thí dụ (9), (10), (11), (12) thì tả diện mạo nhân vật nhưng cũng vẫn hết sức chung chung: “*đồ Ngoạn mắt toét*”, những thông tin miêu tả này: *to lớn, đẹp lộng lẫy...* chưa đủ để khắc họa một khuôn mặt, một vóc dáng... độc giả chỉ biết là *Khiêm to lớn* mà chưa biết to lớn như thế nào? hoặc *Sinh đẹp lộng lẫy* nhưng *đẹp lộng lẫy* như thế

nào? cũng chưa biết. Vì thế, “nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp không ai có diện mạo riêng” (Trần Đạo).

Đặc biệt, khi mô tả ngoại hình nhân vật, NKC trong truyện Nguyễn Huy Thiệp không tạt ngang so sánh, liên tưởng như ở truyện kể nội tâm, kiểu: *như thể lần đấm đò thứ nhất đã đè nặng sự cay đắng lên người anh* (Nguyễn Thị Thu Huệ, *Mùa đông ấm áp*) hoặc giải thích, bình luận như ở truyện ngắn Ma Văn Kháng. Lời văn mô tả ngoại hình cũng gần như được khách quan hoá tuyệt đối.

Ở truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, trạng thái nội tâm của nhân vật vẫn được mô tả từ ĐN bên ngoài, biểu hiện ở chỗ trạng thái nội tâm được mô tả một cách gián tiếp qua các từ chỉ hoạt động cảm nghĩ như: *thấy, cảm thấy, hiểu...* hoặc các từ chỉ trạng thái nội tâm đã bị mòn đi nét nghĩa biểu cảm: *buồn, sợ, cô đơn, dăm chiêu, bứt rứt...*
Thí dụ:

(13) *Nửa đêm tôi dậy, thấy mẹ tôi lạnh toát, mắt đại đi. Tôi sợ, gọi vợ tôi.*

(*Tương về hưu*)

Từ *sợ* làm cho câu văn không diễn tả được mức độ của nỗi sợ, không bộc lộ được cảm giác mát mát máu thịt của người con đối với cái chết đang cận kề của mẹ. *Sợ* ở đây cũng chỉ như một hành động vật lí bình thường, không mô tả được trạng thái nội tâm của nhân vật. Muốn diễn đạt được tâm trạng, phải biểu hiện tâm trạng một cách trực tiếp như nó đang tồn tại. Chẳng hạn, các câu văn ở thí dụ 13 có thể viết thành: *Nửa đêm tôi dậy, thấy mẹ tôi lạnh toát, mắt*

dại đi. Sao lại thế này? Mẹ ơi! Sao lại nhanh thế, mẹ ơi!

Những đôi thoại nội tâm “*Sao lại... mẹ ơi!*” cùng với những cấu trúc cảm thán có chức năng biểu đạt được trạng thái nội tâm của nhân vật.

Thí dụ:

(14) *Tôi thấy cô đơn quá.*

(*Tương về hưu*)

Cũng là một trường hợp như thí dụ 13. Đây chỉ là một câu trần thuật thông thường (không có dấu hiệu biểu cảm nào ngoại trừ từ *quá*). So sánh (14) với câu văn của Nguyễn Thị Thu Huệ:

(15) *Bỗng dưng tôi thấy sập xuống người mình một nỗi trống trải hoang vắng đến khủng khiếp.*

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Hậu thiên đường*)

Cùng nói về tâm trạng cô đơn nhưng (15) mới đích thực là tả tâm trạng: “*thấy sập xuống người mình một nỗi trống trải hoang vắng đến khủng khiếp*” là cảm giác thật về nỗi cô đơn đến cực điểm đang tồn tại. Còn *thấy cô đơn quá* (thí dụ 14) là kể lại tâm trạng, và như vậy thì cái cô đơn ấy chỉ còn là một sự kiện, không còn là tâm trạng nữa.

Lời văn mô tả trạng thái nội tâm của nhân vật ở truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp cũng có chức năng thuật lại sự kiện, thể hiện ĐN bên ngoài tuyệt đối của NKC, sẽ là một minh chứng cho sự không thâm nhập vào thế giới nội tâm nhân vật của NKC. Đặc biệt ở những đoạn NKC tả trạng thái nội tâm của người khác. Thí dụ:

(16) *Cha tôi muốn ở một phòng dưới dãy nhà ngang giống như mẹ tôi. Vợ tôi không chịu. Cha tôi buồn. Việc để mẹ tôi ăn riêng, ở riêng làm ông bứt rứt. Vợ tôi bảo: "Tại mẹ lẫn" Cha tôi dăm chiêu.*

(*Tương về hư*)

Các từ *buồn, bứt rứt, dăm chiêu* cũng giống như từ *sợ* (thí dụ 13), *có đơn* (thí dụ 14) không biểu hiện được cụ thể, trực tiếp trạng thái tinh thần của chủ thể (cái bên trong) mà chỉ biểu hiện được cái vẻ ngoài (nét mặt chẳng hạn) của nhân vật. *Buồn, bứt rứt, dăm chiêu* là thể hiện của ĐN bên ngoài của NKC.

Như vậy, ngôn ngữ của Nguyễn Huy Thiệp, dù là lời văn miêu tả thì vẫn là kể, thiên về kể nhiều hơn. Dù là tả cảnh, tả diện mạo, ngoại hình hay trạng thái nội tâm nhân vật thì lời văn Nguyễn Huy Thiệp vẫn luôn thể hiện được tính khách quan của ĐN bên ngoài.

3. Lời văn kể chuyện

Lời văn kể chuyện là thành phần cơ bản của trần thuật Nguyễn Huy Thiệp nên nó chiếm một số lượng rất lớn trong truyện.

+ Ở truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, sự kiện và lời nói được kể theo cách liệt kê là chủ yếu, NKC không dừng lại để nhận xét, đánh giá, bình luận như ở truyện kể theo ĐN bên trong (truyện kể nội tâm) nên lời kể chuyện gần như trần trụi sự kiện.

Trong lời văn kể chuyện Nguyễn Huy Thiệp, sự kiện được kê khai dồn dập, thông tin nén ép. Trong hai câu

văn với mười một chữ mà có đến 4 sự kiện, lại toàn những sự kiện quan trọng.

Thí dụ:

(17) *Tôi đi làm, lấy vợ, sinh con. Mẹ tôi già đi.*

(*Tương về hư*)

+ Sử dụng hình tượng NKC không đáng tin cậy, tạo ra lời kể chuyện không đáng tin cậy là một thủ pháp đặc biệt ở truyện kể Nguyễn Huy Thiệp.

NKC không đáng tin cậy, theo Booth đó là cái người mà "không phải là người nói dối mà là anh ta "có khả năng đánh lừa", anh ta được trình bày như là lời nói của anh ta bao giờ cũng hoà hợp với chuẩn mực của cuốn sách, nhưng thực tế lại không phải như thế" [3, 105].

Việc anh ta được trình bày như là lời nói của anh ta bao giờ cũng hoà hợp với chuẩn mực của cuốn sách trong truyện Nguyễn Huy Thiệp biểu hiện ở chỗ NKC luôn xưng là *tôi*, là tác giả: *tôi* - người viết truyện ngắn này (*Phẩm tiết*)... thậm chí còn kể ra những thủ thuật, những công việc của mình khi sáng tác mà lẽ ra người ta phải giấu nhem đi. Thí dụ:

(18) *Ông Quách Ngọc Minh, ngụ ở Tu Lý, huyện Lý Đà Bắc viết thư cho tôi: Tôi đã đọc truyện ngắn Kiếm sắc của ông kể về tổ phụ tôi là Đặng Phú Lân... Ông gắng thu xếp lên chơi, tôi sẽ cho ông xem vài tư liệu, biết đâu giúp ông có cách nhìn khác.*

Nhận được thư tôi đã lên thăm gia đình ông Quách Ngọc Minh. Những tư liệu cổ mà ông Quách Ngọc Minh gìn giữ thật độc đáo. Về Hà Nội, tôi

viết truyện ngắn này. Khi viết, tôi có tự ý thay đổi một vài chi tiết phụ và sắp xếp, chỉnh lí lại các tư liệu để hợp với việc kể chuyện.

(Vàng lừa)

Việc kể ra những kỹ thuật sáng tác và kiểu xưng hô như thế này đã tạo cho độc giả một niềm tin chắc chắn vào tính chân thật của câu chuyện mà tác giả kể. Hơn nữa, NKC cũng không ngần ngại nói rõ những hiểu biết hạn chế của mình về câu chuyện, thậm chí mình chỉ là người sưu tầm, chỉnh lí và viết lại tư liệu. Thí dụ:

(19) Tôi, người viết truyện ngắn này đã cất công đi tìm các thư tịch cổ và hỏi han nhiều bậc bô lão. Không có tài liệu gì và cũng không ai biết gì về thung lũng Qua hoặc những người châu Âu thời vua Gia Long. Mọi cố gắng của tôi trong nhiều năm nay vô hiệu. Tôi hiến bạn đọc ba đoạn kết cho câu chuyện này để bạn đọc tự ý lựa chọn.

(Vàng lừa)

Nói như vậy, NKC ngầm nói với độc giả rằng: truyện mà tôi viết ra đây không phải là đáng tin cậy hoàn toàn, tôi không dám khẳng định vì đây cũng mới chỉ là tư liệu, chưa biết đúng sai thế nào... NKC đã đem vào truyện thể giới hiện thực giống như được chụp lại, được sao chép lại nguyên xi, không thêm bớt cắt xén, sắp xếp lại cũng như phân tích, lí giải sự kiện theo chủ quan của người viết. Đây là cách tạo ra một nội dung hiện thực hoàn toàn khách quan. Lối kể này khiến độc giả phải làm việc tích cực khi tiếp nhận tác phẩm, tiếp nhận những thông tin mà NKC cung cấp. Câu chuyện có thể có những

thông tin đáng tin cậy (thông tin thật, đã xảy ra) hoặc thông tin không đáng tin cậy (thông tin giả thiết, chưa xảy ra hoặc có thể xảy ra).

Trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp, NKC tạo ra 2 loại thông tin giả thiết:

1) Các chi tiết, sự kiện mâu thuẫn với thực tế, vênh nhau một cách lộ liễu.

Trong trường hợp này, NKC cố tình nhầm lẫn, kể một câu chuyện được xem như một khả năng có thể xảy ra chứ không hẳn là đã xảy ra. Thí dụ đoạn miêu tả Quang Trung gặp Vinh Hoa, đoạn viết về lời Quang Trung mắng một thương gia (Phẩm tiết), về những triết lí cao siêu của một anh giáo làng dạy i tờ (Những bài học nông thôn)... Đó là những đoạn hư cấu chủ quan của tác giả, là giả thiết của NKC.

Đưa ra những chi tiết không giống với lịch sử, thậm chí có thể trái ngược với nó, NKC muốn giúp độc giả có cái nhìn toàn diện, khách quan về con người.

Trước những sự kiện mâu thuẫn như thế, độc giả sẽ phải lên tiếng phản đối hoặc đồng tình, phải nhập cuộc như đang đối thoại với NKC.

2) Với những sự kiện có tính chất li kì, NKC sử dụng cách nói mập mờ, nước đôi, không khẳng định phát ngôn về phần mình, mà quy về những lời đồn đại không rõ nguồn gốc. Thí dụ:

(20) Có người kể rằng khi lừa bốc cao thì ở trong quán có con chuột to bằng bắp chân người phóng thẳng ra ngoài cứ cười hềnh hếch ...

(Chạy đi sông ơ)

(21) *Trận bão ấy, ở bãi Nổi trên sông Cái, sét đánh cụt ngọn cây muôm đại thụ. Không biết ai nói trông thấy có đôi giao long quấn chặt lấy nhau vây vùng làm đục cả một khúc sông. Tạnh mưa, dưới gốc cây muôm, có một đứa bé mới sinh đang nằm. Đứa bé ấy là con Thủy thần để lại.*

Dân trong vùng gọi đứa bé ấy là Mẹ Cà. Ai nuôi Mẹ Cà, tôi không biết, nghe phong thanh ông từ đền Tía đón về nuôi. Lại đồn thím Mòng trên phố chợ đón về nuôi. Lại đồn các nhà xơ trong nhà tu kín đón về...

(Con gái thủy thần)

Bằng sự xuất hiện một loạt các từ ngữ mang tính đa tình thái: *có người kể rằng, không biết ai nói, ai... tôi không biết, nghe phong thanh, lại đồn...* NKC đã tạo ra cho câu chuyện kể cái vẻ hư hư, thực thực. Cái thật và cái giả thiết không có ranh giới rõ ràng.

Như vậy, ở truyện Nguyễn Huy Thiệp, NKC chỉ có nhiệm vụ kể chuyện đơn thuần. Đây là một thủ thuật kể chuyện theo ĐN bên ngoài. Bằng việc đưa ra các ý kiến của nhân vật mang tính chủ quan cá nhân, nhận thức cá nhân, nhiều khi trái với hiện thực lịch sử, NKC kêu gọi độc giả nhập cuộc, lên tiếng với những sự kiện mà mình đưa ra...

Booth cũng cho rằng: với NKC không đáng tin cậy, độc giả phải sáng suốt hơn rất nhiều so với NKC đáng tin cậy. Anh ta phải phân biệt được, trong lời kể y như thật của NKC, cái nào là thông tin thực, cái nào là thông tin giả thiết.

Cũng như lời miêu tả, lời kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp có chức năng thể hiện tính khách quan của hiện thực được kể, phơi bày hiện thực như nó vẫn có, là thể hiện ĐN bên ngoài của NKC.

4. Lời bình luận

Cần phải nói ngay rằng, trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, không có ngôn từ bình luận trực tiếp của tác giả, chỉ có hành vi bình luận. Nhưng hành vi này cũng rất hiếm gặp, mà lại chỉ xuất hiện kín đáo, hàm ẩn ở đằng sau một số chi tiết sau đây của lời kể:

4.1. Những sự kiện có tính chất bất thường, nghịch lí (không có một yếu tố tình thái nào đi kèm). Thí dụ:

(22) *Một hôm Phong đánh liêu hồi chủ quán: "Ở đây có con điếm nào xinh không?" Chủ quán gật đầu. Phong bảo: "Gọi cho tôi một đứa" Chủ quán hỏi: "Ông thích loại còn tân hay đã mất tân?" Phong vỗ đùi đánh đét: "Còn tân thì nói gì nữa?" Chủ quán đứng dậy đi xuống nhà ngang, lát sau dẫn lên một đứa con gái trạc 15 tuổi. Chủ quán bảo: "Đây là con gái tôi" Phong uống nước, suýt nữa thì nghẹn.*

(Giọt máu)

Đây là một sự kiện trái luân thường đạo lí, bố đẻ dùng con gái như một thứ phương tiện để kiếm tiền (Bố: ông chủ nhà chứa, con: gái điếm) điều đó khiến một người chơi cờ, nhẩn tâm như Phong cũng không thể ngờ được. Chi tiết *Phong uống nước, suýt nữa thì nghẹn* mang hàm ẩn đánh giá: "Đời bại đến thế là cùng! Dã man đến thế là cùng!"

(23) *Cha tôi ở chơi với ông vụ phó bố của Kim Chi một ngày. Ông này vừa đi công tác ở Ấn Độ về, ông biếu cha tôi một mảnh lụa hoa và nửa lạng cao tổng hợp. Cha tôi cho cô Lài mảnh lụa hoa, cho ông Cơ nửa lạng cao.*

(*Tướng về hưu*)

Cha tôi cho cô Lài mảnh lụa hoa, cho ông Cơ nửa lạng cao có hai tiền già định (pp'):

pp'1: *Lụa và cao* những năm 80 của thế kỷ trước là rất hiếm và quý, lại là quà từ nước ngoài thì càng hiếm và quý hơn. Vì thế trước hết phải cho những người thân trong gia đình, rồi mới đến người ngoài.

pp'2: Người trong gia đình của ông Thuấn đã đầy đủ, chỉ có người ở (ông Cơ, cô Lài) là còn vất vả và thiếu thốn.

Hành vi hiển ngôn: *Cha tôi* cho những người ở món quà rất quý hiếm kia. Đây là một hành vi bất thường, có hàm ẩn đánh giá. Cùng với chi tiết *Cha tôi cho mỗi người trong nhà bốn mét vải lĩnh. Cả ông Cơ và cô Lài cũng thế.* Ở phần đầu tác phẩm, ta suy ra hàm ẩn: Cha tôi coi người ngoài cũng như người thân, không thiên vị ai. Ông là con người ưa sự công bằng.

4.2. Trong lời kể có một điểm nhấn, mang sắc thái biểu cảm (điểm nhấn tu từ)

Điểm nhấn này thường là các từ chỉ hành vi của nhân vật, và hàm ẩn ở đằng sau những động từ đó là quan điểm đánh giá của NKC được thể hiện một cách kín đáo. Thí dụ:

(24) *Ông Bồng hay nói "Quân trí thức khốn nạn! Rẻ dân lao động!*

Nề bố nó, không tôi cạch cửa!" Nói thế thôi, Ông Bồng vẫn sang vay tiền. Vợ tôi khát khe, bao giờ cũng bắt ông ký cược. Ông Bồng rất ức, ông nói: "Minh là chủ nó, trót vay nợ mà nó cư xử hệt như địa chủ" Nhiều món nợ ông cứ lờ đi không trả.

(*Tướng về hưu*)

Động từ *lờ* trong tiếng Việt có nghĩa là làm ra vẻ không để ý, không biết hay không nhớ. Trong đoạn này, tính chất của hành vi đã lột tả cái bản chất không thật của ông chú đánh xe bò lổ mãng, táo tợn, làm đủ mọi điều phi nhân bất nghĩa lại hay nói điều nhân nghĩa kia. Từ *lờ* là một điểm nhấn tu từ có chức năng gợi ý đánh giá. Chi một động từ *lờ* đã làm sáng rõ cả cái tính cách không thật của nhân vật.

(25) *Khám dắt xe ra cửa, nghĩ thế nào lại ôm cặp vào nhà. Khám mở cửa buồng, trông trước trông sau không thấy ai, mở thùng gạo xúc ra bò rươi gạo vào cặp rồi lèn đi ra.*

(*Không có vua*)

Lèn là đi một cách kín đáo không để người khác biết. Ta có hàm ẩn: Khám là người ranh ma, không thật thà. Từ *lèn* có chức năng đánh giá.

4.3. Lời thoại của nhân vật

Đặc tính của truyện kể theo ĐN bên ngoài là tính khách quan. Ở đó, NKC không thể có bất cứ một hình thức nào thể hiện trực tiếp thái độ đánh giá của mình, mà phải mượn những hình thức gián tiếp như lời thoại của nhân vật. Nói như Bakhtin: "Nơi nào thiếu các hình thức tương đồng để biểu hiện trực tiếp suy nghĩ của tác giả thì

người ta phải tìm đến việc khúc xạ chúng vào lời của người khác" [1, 185].

Có lẽ vì thế mà lời thoại của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp có giá trị biểu đạt rất lớn. Thí dụ:

(26) *Cán lấy bút chì ghi tiền làm được hàng ngày vào một cuốn sổ, một trăm đồng thì ghi dấu cộng, hai trăm đồng thì ghi dấu khuyên tròn, lại vẽ hình tam giác trong chấm một cái chẳng biết là ký hiệu gì. Đoài bảo: "Số sách kế toán của ông này thật như gián điệp"*

(Không có vua)

(27) *Thám thoát đến Tết. Rằm tháng Chạp, lão Kiên đi ngân hàng rút lãi tiết kiệm được tám ngàn đồng. Lão Kiên mua cho Tôn cái áo sơ mi, mua cho Sinh đôi bút tất, còn lại tiền đưa cả cho Cán. Khám bảo: "Bố chi quý con dâu, con út"*

(Không có vua)

Lời thoại của Đoài và Khám đều mang những nhận xét đánh giá trực tiếp của nhân vật về một vấn đề nào đấy đã được kể ra ở phần trước. Chẳng hạn, số sách kế toán của Cán (thí dụ 26), tình cảm của lão Kiên với các con (thí dụ 27). Để nhân vật nói lời bình giá trong những trường hợp như thế này vừa đảm bảo được tính khách quan, chân thực vừa tạo tính sinh động, cụ thể cho lời kể.

Một trường hợp khác, lời thoại có chức năng bộc lộ tính cách nhân vật, hàm ẩn đánh giá được suy ra từ đây.

(28) *Đoài bảo: "Tôi nghĩ bố già rồi, mở cũng thế, cứ để chết là hơn". Tôn khóc hu hu (...) Cán hỏi: "Chú Khiêm sao im thế?" Khiêm hỏi: "Anh định thế nào?" Cán bảo: "Tôi đang*

nghĩ" Đoài bảo: "Mất thì giờ bỏ mẹ. Ai đồng ý bỏ chết giờ tay, tôi biểu quyết nhé"... Đoài bảo: "Ông cụ đi rồi, thật may quá. Bây giờ tôi đi mua quan tài"

(Không có vua)

Các lời thoại của nhân vật Đoài cho thấy Đoài là một con người quá thực dụng, thực dụng đến mức mất hết cả tính người. Không chữa bệnh cho bố, để bố chết vì sợ tốn kém. Khi bố chết lại thấy mừng *May quá...* Nhưng đốn mạt đến mức như Đoài thì người kể có nói cũng khó mà tin được. Để nhân vật tự nói, tự bộc lộ thì độ tin cậy lớn hơn nhiều.

Toàn bộ lời kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, với phương thức kể theo ĐN bên ngoài, đã đạt đến tính khách quan gần như tuyệt đối. Và trong hình thức đó bản chất mâu thuẫn của xã hội, con người đã được thể hiện khá đầy đủ, gay gắt và sắc nét như chính nó vốn có.

5. Các phương tiện ngôn ngữ

Lời văn Nguyễn Huy Thiệp chủ yếu sử dụng các phương tiện ngôn ngữ trung hoà.

Trong lời văn của Nguyễn Huy Thiệp, chủ yếu là các phương tiện ngôn ngữ trung hoà về sắc thái biểu cảm. Ít có những nhận xét, đánh giá trực tiếp, không có lời trữ tình ngoại đề... Tất cả đều được hàm ẩn. Lời văn của Nguyễn Huy Thiệp cũng đúng như ý kiến của Bakhtin khi nhận xét về tác phẩm của Đoxtoixiki: *Không có giọng điệu đánh giá cố tình, làm cho nó trở ra như gỗ, khử hết mọi giọng điệu con người của nó.* [1]

Toàn bộ lời văn của Nguyễn Huy Thiệp mang đặc điểm nổi bật là ngắn gọn, cô đúc, trần trụi sự kiện. Về hình thức, nó giống như lời biên bản có tính chất thông báo khô khan. Nhưng lại có sức cuốn hút lạ lùng.

- Xét về mặt cấu trúc: trong lời văn chỉ còn lại những thành phần chính thông báo về sự việc, những yếu tố tình thái hay những yếu tố liên kết, đặc biệt là những yếu tố có chức năng đánh giá gần như bị tinh lược hoàn toàn. Nếu chúng có xuất hiện trong một số trường hợp thì cũng không đủ để bộc lộ giọng điệu của NKC hay tác giả. Thí dụ:

(29) *Quyên lên bờ. Sư Thiệu mời ăn ngó sen. Sư Thiệu hỏi: “ngon không?” Quyên bảo: “Ngon”*

Nắn ná một lát rồi về. Sư Thiệu chào. Quyên chào lại. Quyên ôm bó hoa sen. Sư Thiệu tần ngần đứng trông theo.

Tôi đi trước, Quyên đi sau. Quyên hỏi tôi về sư Thiệu.

(*Thương nhớ đồng quê*)

Tần ngần bộc lộ trạng thái nội tâm của nhân vật (lưu luyến, quý mến) *Tần ngần* có thể hiện một chút đánh giá của NKC, nhưng cũng chưa thật rõ, chưa bộc lộ được giọng điệu của NKC.

Trong lời kể, kiểu nói tinh lược chủ ngữ của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc được sử dụng khá nhiều. Chẳng hạn: *lại thấy một đít chum nữa; lại đi thuê máy bơm cole về...; lại đào (Tuống về hưu), hay: Nói rồi, xô chồng bát đi ra; nói xong đi lên nhà; lát sau chạy ra hỏi (Không có vua)...* Cách nói này vừa tinh lược chủ thể hành động (có thể cả chủ thể phát ngôn) vừa tinh

lược các yếu tố phụ chỉ quá trình của hành động. Đồng thời còn chỉ ra sự lặp lại của hành động hoặc nhấn mạnh hành động (các trường hợp sử dụng kết cấu *lại + ...*) hoặc chỉ thể hoàn thành của hành động (*nói rồi, nói xong*)... Tức là nó có thể thay thế và tinh lược bớt những yếu tố rườm rà (trong đó có cả yếu tố biểu cảm) và đem lại một hiệu quả nghệ thuật riêng cho loại truyện kể theo ĐN bên ngoài này.

Lời dẫn thoại: Hầu như không có lời dẫn thoại dài dòng. Lời dẫn thoại cơ bản được đóng khung trong cấu trúc C + Động từ nói năng (ĐTNN), trực tiếp chỉ hành vi nói năng, ít có yếu tố chỉ trạng thái, tình cảm của SP₁ để gợi ý hướng thể hiện của SP₁: *Tôi bảo, Vợ tôi bảo, Cha tôi bảo, Ông Bồng nói, Ông thợ mộc quát (Tuống về hưu), Anh Bường bảo, Chị Thục bảo... (Những người thợ xẻ)*. Động từ *bảo* đã trở thành khuôn mẫu, tiêu biểu trong lời dẫn thoại của Nguyễn Huy Thiệp.

Lời thoại: Cơ bản là lời thoại ngắn (hình thức câu đơn là chủ yếu). Cũng có những lời thoại dài, nhưng xét về mối tương quan giữa hình thức ngôn từ và sự kiện được biểu hiện thì cũng được coi như lời thoại ngắn. Lời thoại trần trụi và thẳng băng như nó vốn có, không được che đậy bởi hình thức ngôn từ tế nhị, hoa mỹ nào. Thí dụ:

(30) Lời thoại của người con trước cái chết của cha mình:

Ông cụ đi rồi. Thật may quá. Bây giờ tôi đi mua quan tài.

(*Không có vua*)

(31) Lời thoại của ông bố, nói với con:

Chúng mày cứ giết nhau đi, tao càng mừng.

(*Không có vua*)

Ở cấp độ tác phẩm, truyện Nguyễn Huy Thiệp phần lớn là kiểu cấu trúc chương hồi: *Tướng về hưu*: 15 khúc; *Không có vua*: 7 màn cảnh; *Tội ác và trừng phạt*: giống như kết cấu của văn bản nghị luận: 1 - Vào chuyện, 2 - Câu chuyện, 3 - Đoạn kết...

Cấu trúc chương hồi cũng là một dạng cấu trúc tinh lược, cho phép rút ngắn tác phẩm, ít nhất là ở những phần văn bản có tác dụng chuyển đoạn, chuyển cảnh...

Nhìn một cách tổng thể, lời văn của Nguyễn Huy Thiệp đúng là đã bị *trừ khử hết mọi giọng điệu đánh giá*, chỉ còn trơ lại sự kiện và sự kiện, giống như một bản liệt kê.

Cần phải nhắc lại ở đây rằng trong truyện Nguyễn Huy Thiệp không có hình thức ngôn từ đánh giá trực tiếp. Độc giả không được định hướng, không bị áp đặt theo một quan điểm nào cả.

Mặt khác, thế giới hiện thực trong truyện Nguyễn Huy Thiệp có vẻ như rất *thô*, không được chọn lọc, gọt rũa, còn tươi nguyên, hỗn độn như được *bê y nguyên* từ cuộc sống vào vậy. Và nhất là chẳng bao giờ được phân tích, lí giải.

(32) Ông Cơ hiền lành, chịu khó. Thường ông đảm nhiệm việc chăm vườn tược, lợn gà và đàn chó giống. Nhà tôi nuôi chó bécgìê. Tôi cũng không

ngờ việc kinh doanh chó lại thu lợi lớn. Khoản thu này trội nhất trong nhà. Cô Lài mặc dầu gàn dở nhưng lại xốc vác và nội trợ giỏi. Vợ tôi dậy cô cách thức nấu bống, nấu nầm, nấu gà hầm. Cô bảo: “Cháu chẳng ăn thế bao giờ”. Cô không ăn thật.

Cháu chẳng ăn thế bao giờ và Cô không ăn thật không ăn nhập gì với gàn dở nhưng lại xốc vác và nội trợ giỏi, không lí giải gì cho tính cách của cô. Các chi tiết có vẻ như không mạch lạc với nhau, không được sắp xếp cho hợp lí. Nó có vẻ giống như hiện thực ngoài cuộc sống hơn là hiện thực trong tác phẩm.

Với lời văn ấy, độc giả luôn bị cuốn vào mạch kể, cuốn vào thế giới của nhân vật và sự kiện.

6. Kết luận

Ngôn ngữ ở truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp chịu sự chi phối mạnh của ĐN bên ngoài, mang tính khách quan gần như tuyệt đối. Tính chất khách quan này là những đặc điểm nổi bật rất quan trọng trong ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Nói đến tính chất khách quan của lời văn thì không phải chỉ đến và chỉ riêng Nguyễn Huy Thiệp mới có. Nhưng cái tính khách quan như ở lời văn Nguyễn Huy Thiệp và cách mà tác giả tạo ra nó mới là sự đáng bàn. Điều đó khiến cho lời văn Nguyễn Huy Thiệp mang những đặc điểm riêng biệt, độc đáo, đem lại sức sống lâu bền cho tác phẩm.

NGỮ LIỆU TRÍCH DẪN

Nguyễn Huy Thiệp, Như những ngọn gió, Nxb Văn học, H., 1999.